

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 15-12-2020
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Dư Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/QĐ-PT ngày 24/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn PT, xã P, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn PT, xã P, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L – Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau năm 2012, năm 2013 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã QL, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2016 chị và anh L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L không có công việc ổn định, thường tụ tập ăn nhậu...; Nhiều lần chị đã nói chuyện với anh L để tìm hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả nên quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Có lần anh L đã yêu cầu chị viết đơn ly hôn nhưng vì thương con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng. Mâu thuẫn lớn nhất là vào ngày 22/6/2020 anh L muốn mua xe ô tô trả góp để chạy dịch vụ nhưng do vợ chồng không có tài sản để thế chấp, chị không thể đi vay tiền nên vợ chồng tranh cãi. Anh L đã xúc phạm chị rất nặng nề nên chị không thể chịu đựng được và ra thuê nhà ở riêng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị được bố mẹ anh L cũng như ông Nguyễn Văn T (*bác họ của chị*) khuyên can, hòa giải nhưng chị xác định không thể hàn gắn chung sống lại với anh L nên quyết định ra ở riêng. Hiện nay chị được tạo điều kiện về chỗ ở tại khu tập thể Trường Tiểu học Pró nơi chị công tác. Cho đến nay chị và anh L không còn chung sống. Thời gian qua, hai vợ chồng cũng không gặp nhau. Do nhà chồng không cho chị đưa con đi nên chị vẫn thường về nhà thăm con. Anh L đã từng đến nơi chị ở yêu cầu về chung sống nhưng chị không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn. Chị cũng không muốn hàn gắn vì vợ chồng đã quá mâu thuẫn, nếu về chung sống cũng không thể có hạnh phúc. Do vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày 30/10/2013. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con vì bản thân chị rất khó mang thai. Đã 02 lần chị không giữ được thai, đến lần thứ 03 thì mới sinh được cháu S. Việc mổ sinh con cũng đã 02 lần nên việc có con lại rất khó khăn. Về điều kiện kinh tế thì chị công tác tại trường học, lương tuy không cao nhưng ổn định, chỗ ở cũng được nhà trường tạo điều kiện. Hơn nữa, chị làm trong môi trường giáo dục, có nhiều thời gian và điều kiện chăm con. Chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thừa nhận lời trình bày của chị H là đúng. Quá trình sống chung hòa thuận, hạnh phúc, giữa chị H và gia đình chồng không có mâu thuẫn gì. Gia đình anh thỉnh thoảng có tổ chức

tiệc cho vui chứ không phải tụ tập ăn nhậu thường xuyên. Trong sinh hoạt gia đình giữa anh chị cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Tuy nhiên, vào tháng 6/2020 do anh muốn mua xe ô tô để chạy dịch vụ và lo cho kinh tế gia đình nhưng không có tiền nên phải mua xe trả góp và cần phải chứng minh thu nhập của hai vợ chồng. Khi anh đề cập đến việc mua xe và yêu cầu chị H cho mượn bảng lương của chị H thì chị H không đồng ý. Anh đã nói với chị H là “*mày sống ích kỷ vậy thì khó sống với tao lắm, nếu không sống được thì viết đơn ly dị*”. Ngay sau đó, chị H viết đơn ly hôn nhưng không nộp và đã ra ngoài ở riêng đến nay. Hai lần anh đến yêu cầu chị H về nhà chung sống lo cho gia đình, con cái nhưng chị H không về. Chị H nói nếu ra ở riêng thì chị chấp nhận nhưng do anh là con trai phải ở chung phụng dưỡng bố mẹ nên không thể chiều theo ý của chị H. Anh nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác ở bên ngoài nên không về chung sống với anh và xin ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung; Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh S. Do anh không đồng ý ly hôn nên cũng không đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H. Theo anh, nếu phải ly hôn thì anh vẫn muốn nuôi con vì hiện nay điều kiện kinh tế của anh tốt hơn chị H, thu nhập từ 14.000.000đ đến 15.000.000đ một tháng, chỗ ở ổn định, việc chăm con thì có ông bà ở nhà lo giúp không ảnh hưởng gì đến việc chăm sóc con cái.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01/2007 ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã QL, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh S số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/10/2020, bị đơn anh L có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh S, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay,

Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh S, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, chị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung Nguyễn Ngọc Thanh S cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H xin ly hôn, anh L không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh L: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày 30/10/2013. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H và anh L là chính đáng. Cả chị H và anh L đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “... *con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 và phiên tòa phúc thẩm hôm nay khi không có mặt cả anh L và chị H thì cháu S thể hiện nguyện vọng muốn ở với anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt

của con cần giao con chung Nguyễn Ngọc Thanh S cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên; chấp nhận kháng cáo của anh L. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên anh L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L. Sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày 30/10/2013 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002577 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (*chị H đã nộp đủ án phí*). Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn L

300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0002677 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Vân